

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2024

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con - cấp dưỡng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 118/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 11 năm 2023, về: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giang Thị C, sinh năm 1987 (Vắng mặt - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ khi kết hôn: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

Địa chỉ hiện nay: thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 07/11/2023 và quá trình giải quyết vụ án, chị Giang Thị C trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S kết hôn ngày 08/01/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Hải Phòng, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị C và anh S xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị C sinh sống tại thành phố Hải Phòng, còn anh S vẫn sinh sống tại tỉnh Đắk Nông, anh chị không còn sống chung từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Hiện nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài, chị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh S.

- *Về con chung*: Chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S có 01 con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/01/2020. Hiện con chung đang ở cùng chị Ch tại Tổ 7, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phúc H đến tuổi trưởng thành. Chị C yêu cầu anh S cấp dưỡng hàng tháng cho con, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Giang Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Xuân S trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Xuân S và chị Giang Thị C kết hôn ngày 08/01/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Hải Phòng, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa chị C với chị gái của anh S có xảy ra mâu thuẫn, chị gái của anh S đã chửi bới, xúc phạm chị C và gia đình chị C. Anh S có nguyện vọng đoàn tụ gia đình, tuy nhiên nếu chị C quyết tâm ly hôn thì anh S đành chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S có 01 con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/01/2020. Hiện con chung đang ở cùng chị Ch tại Tổ 7, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng. Anh S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phúc H đến tuổi trưởng thành. Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị C được trực tiếp nuôi con thì anh S đồng ý cấp dưỡng hàng tháng cho con, mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh yêu cầu được thăm nom con, chị C không được ngăn cản.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh Nguyễn Xuân S xác định không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Người tham gia tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; người tham gia tố tụng chị Giang Thị C chấp hành đúng quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Xuân S không chấp hành các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang Thị C được ly hôn anh Nguyễn Xuân S.

Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Giang Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng: Chấp nhận anh Nguyễn Xuân S cấp dưỡng hàng tháng cho con Nguyễn Phúc H, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Giang Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Giang Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết về con chung, cấp dưỡng nuôi con. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con - cấp dưỡng*”. Bị đơn anh Nguyễn Xuân S có nơi cư trú tại tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Giang Thị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Xuân S vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S kết hôn ngày 08/01/2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Hải Phòng, việc kết hôn của anh chị trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Giang Thị C, xét thấy sau khi kết hôn vợ chồng chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, vợ chồng anh chị đã không còn sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay, hiện chị C sinh sống tại thành phố Hải Phòng, còn anh S vẫn sinh sống tại tỉnh Đắk Nông. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị C không còn tình cảm với anh S, vì vậy không đảm bảo được việc quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau những công việc gia đình và cùng nhau nuôi con chung trưởng thành. Hiện nay quan hệ hôn nhân không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị C kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn, anh S cũng có ý kiến nếu chị C kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi anh S sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị C và anh S có mâu thuẫn hay không.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị Giang Thị C và quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị Giang Thị C là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S có 01 con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/01/2020. Hiện con chung đang ở cùng chị C tại Tổ 7, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng.

Chị C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phúc H đến tuổi trưởng thành. Chị C yêu cầu anh S cấp dưỡng hàng tháng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Anh S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Phúc H đến tuổi trưởng thành. Anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị C được trực tiếp nuôi con thì anh S đồng ý cấp dưỡng hàng tháng nuôi con, mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Xét thấy, cả chị C và anh S đều cung cấp các tài liệu, chứng cứ thể hiện anh chị đều có công việc ổn định, có thu nhập, đủ khả năng nuôi dưỡng chăm sóc con. Tuy nhiên, hiện nay cháu Nguyễn Phúc H mới 04 tuổi 01 tháng 18 ngày, từ khi sinh ra cho đến nay chị Giang Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cháu H đang học tại Hải Phòng, việc giao cháu H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Giang Thị C trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh S yêu cầu được thăm nom con chung, chị C không được ngăn cấm là phù hợp với quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng: Chị Giang Thị C yêu cầu anh Nguyễn Xuân S cấp dưỡng hàng tháng cho con là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/01/2020, mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh S đồng ý cấp dưỡng hàng tháng nuôi con, tuy nhiên chỉ đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: *“...2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con...”*

Tại khoản 1 Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“1. Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con..”*

Tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...”*

Xét thấy, chị C và anh S không thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con. Theo hướng dẫn tại mục 2, phần III Công văn số: 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật thì mức cấp dưỡng trong trường hợp các đương sự không thỏa thuận được “*tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con*”, hiện nay mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng, 1/2 mức lương cơ sở là 900.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh S đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng, cao hơn mức 1/2 mức lương cơ sở, do đó để đảm bảo quyền lợi cho con cần chấp nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Căn cứ các điều 82, 107, 110, 116, 117 và Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu cấp dưỡng của chị C, buộc anh S cấp dưỡng hàng tháng cho con Nguyễn Phúc H, mỗi tháng 1.000.000 đồng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu H đủ 18 tuổi và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị C và anh S thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con sau ly hôn theo các điều 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Giang Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô. Anh Nguyễn Xuân S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hoàn trả chị Giang Thị C số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giang Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang Thị C được ly hôn anh Nguyễn Xuân S.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phúc H, sinh ngày 09/01/2020 cho chị Giang Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Xuân S cấp dưỡng hàng tháng cho con Nguyễn Phúc H, mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn chị Giang Thị C, anh Nguyễn Xuân S có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84, 116 của Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Xuân S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh Nguyễn Xuân S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Giang Thị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh S.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị C không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Giang Thị C và anh Nguyễn Xuân S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Giang Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 600.000 đồng chị Giang Thị C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000393 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Anh Nguyễn Xuân S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Hoàn trả chị Giang Thị C số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND phường N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi